SAO Y; Ban Quản lý Khu kinh tế; 10/11/2023; 9:54:29 +07:00

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG **BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5413/GPMT-BQL	*Hải Phòng, ngày 10 tháng 11 năm 2023*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thêm mới lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Xét Văn bản số 1027/CVMT-Adhes ngày 12/7/2023 của Công ty TNHH Kỹ thuật Bao bì Adhes Việt Nam về đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo; Văn bản số CVMT-ADHES ngày 05/10/2023 của Công ty TNHH Kỹ thuật Bao bì Adhes Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường kèm theo hồ sơ đã hoàn thiện của dự án "Dự án nhà máy sản xuất băng dính tại Việt Nam" (Phân kỳ I) tại lô đất CN1K, khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (Deep C2B), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Kỹ thuật Bao bì Adhes Việt Nam, địa chỉ tại lô CN1K, khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (Deep C2B), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường

của dự án "Dự án Nhà máy sản xuất băng dính tại Việt Nam" (Phân kỳ I) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: "Dự án Nhà máy sản xuất băng dính tại Việt Nam" (Phân kỳ I)

1.2. Địa điểm hoạt động: lô đất CN1K, khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (Deep C2B), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 9898229062 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chứng nhận lần đầu ngày 31/7/2019, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 08 ngày 26/6/2023. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201978293 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 03/08/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ 03 ngày 18/5/2021.

1.4. Mã số thuế: 0201978293

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các loại băng dính như: Băng dính nhựa, băng dính vải, băng dính giấy, băng dính giấy màu da bò, decan màu các loại; Sản xuất màng PE; Sản xuất túi bóng khí, túi thư bóng khí; Sản xuất thùng giấy carton, túi giấy; Sản xuất tem nhãn; Sản xuất keo.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư (Phân kỳ I):

- Diện tích đất sử dụng: 15.000 m^2

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

- Công suất:

TT	Tên sản phẩm	Công suất (tấn/năm)
I	**Các sản phẩm chính (xuất bán 100%)**	
1	Băng dính nhựa	102.419,17
2	Băng dính vải	8.428,00
3	Băng dính giấy	22.442,84
5	Decan màu các loại	4.300
6	Băng dính các loại	32.920
7	Màng PE	16.800
9	Tem nhãn các loại	620
13	Keo gốc nước	23.400

II	**Các sản phẩm trung gian phục vụ sản xuất tại nhà máy**	
1	Keo gốc nước	90.522,78
2	Lõi giấy	2.894,02

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Kỹ thuật Bao bì Adhes Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Kỹ thuật Bao bì Adhes Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.5. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để được kiểm tra, giám sát và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm
(từ ngày 10..tháng 11..năm 2025..đến ngày 10..tháng 11..năm 2035).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các UBND: phường Đông Hải 2, quận Hải An;
- Công ty Kỹ thuật Bao bì Adhes Việt Nam;
- Công ty Cổ phần công nghiệp Hồng Đức;
- Các Phòng: TNMT, QHXD, QLĐT, DN&GSĐT, VPĐD;
- Cổng TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT.

KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG T.P HẢI PHÒNG

Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5114/GPMT-BQL ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống dẫn nước thải của khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (Deep C2B), chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ, không xả thải trực tiếp ra môi trường).

- Công ty TNHH Kỹ thuật Bao bì Adhes Việt Nam đã ký hợp đồng thuê đất và sử dụng cơ sở hạ tầng số CIL.034/2019/HDIZ-CS ngày 06/9/2019 với Công ty Cổ phần công nghiệp Hồng Đức (Toàn bộ nước thải từ Khu Công nghiệp và Dịch vụ Hàng hải (DEEP C 2B) do Công ty Cổ phần công nghiệp Hồng Đức làm chủ đầu tư tạm thời được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ theo sự cho phép của Bộ Tài nguyên và môi trường tại Công văn số 1559/BTNMTCMT ngày 04/4/2019).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải nhà vệ sinh nhà máy được xử lý sơ bộ qua 05 bể tự hoại 3 ngăn (tổng dung tích 39 m^3) (02 bể tại xưởng sản xuất, 01 bể tại khu vực nhà văn phòng, 01 bể tại khu vực nhà ăn, 01 bể tại nhà vệ sinh ngoài trời gần nhà bảo vệ, nước sau xử lý sơ bộ cùng nước rửa tay chân theo đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy có công suất 25 m^3/ngày.đêm, sau đó dẫn về hố ga cuối đấu nối vào hệ thống dẫn nước thải chung của khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (Deep C2B), chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải từ nhà ăn được dẫn vào bể tách mỡ dung tích là 5 m^3 rồi nhập dòng với nước từ nhà vệ sinh của cán bộ công nhân để dẫn vào hệ thống xử lý nước thải công suất 25 m^3/ngày.đêm, sau đó dẫn về hố ga cuối đấu nối vào hệ thống dẫn nước thải chung của khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (Deep C2B), chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Nước lau sàn nhiễm hóa chất được thu gom, xử lý như chất thải nguy hại.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh bồn nhũ hóa và bồn tạo keo được thu gom và tái sử dụng hoàn toàn cho quá trình sản xuất keo, không thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình vệ sinh thiết bị sản xuất hồ tinh bột được thu gom và tái sử dụng hoàn toàn cho quá trình sản xuất hồ tinh bột, không thải ra môi trường.

- Nước xả đáy nồi hơi sẽ được dẫn về hố ga cuối đấu nối vào hệ thống dẫn nước thải chung của khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (Deep C2B), chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải từ hệ thống lọc nước RO được dẫn về hố ga cuối đấu nối vào hệ thống dẫn nước thải chung của khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (Deep C2B), chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải từ quá trình làm mát bồn tạo keo, thiết bị ngưng tụ, quá trình sản xuất băng dính, quá trình sản xuất màng PE được tuần hoàn tái sử dụng tại tháp giải nhiệt, định kỳ 6 tháng/lần thay thế bằng nước mới để tăng hiệu quả xử lý, nước sau khi thay thế được tận dụng trong quá trình sản xuất keo nước, không thải ra môi trường.

- Nước thải từ tháp xử lý khí bằng phương pháp hấp thụ (Hệ thống xử lý khí thải khu vực sản xuất băng dính bằng keo gốc nước) được tuần hoàn tái sử dụng và định kỳ 1 tháng/lần thay thế bằng nước mới để tăng hiệu quả xử lý, nước sau khi thay thế được tận dụng trong quá trình sản xuất keo nước, không thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải nhà vệ sinh → 05 bể tự hoại 3 ngăn (tổng dung tích 39 m^3) → nước sau xử lý sơ bộ + nước rửa tay chân → hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy (công suất 25 m^3/ngày.đêm) → hố ga cuối → hệ thống dẫn nước thải chung của khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (Deep C2B) → hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ.

+ Nước thải từ nhà ăn → bể tách mỡ (dung tích 5m^3) → hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy (công suất 25 m^3/ngày.đêm) → hố ga cuối → hệ thống dẫn nước thải chung của khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (Deep C2B) → hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ.

+ Nước lau sàn nhiễm hóa chất → thu gom, xử lý như chất thải nguy hại.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh bồn nhũ hóa và bồn tạo keo → Tuần hoàn tái sử dụng không thải bỏ.

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình vệ sinh thiết bị sản xuất hồ tinh bột → Tuần hoàn tái sử dụng không thải bỏ.

+ Nước xả đáy nồi hơi → hố ga cuối → hệ thống dẫn nước thải chung của khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (Deep C2B) → hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ.

+ Nước thải từ hệ thống lọc nước RO → hố ga cuối → hệ thống dẫn nước thải chung của khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (Deep C2B) → hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ.

+ Nước thải từ quá trình làm mát bồn tạo keo, thiết bị ngưng tụ, quá trình sản xuất băng dính, quá trình sản xuất màng PE → tuần hoàn tái sử dụng không thải bỏ.

+ Nước thải từ tháp xử lý khí bằng phương pháp hấp thụ (HTXL khu vực sản xuất băng dính bằng keo gốc nước) → tuần hoàn tái sử dụng không thải bỏ.

- Công suất thiết kế:

+ 05 bể tự hoại 3 ngăn tại khu vực nhà máy có tổng dung tích 39 m^3;

+ 01 bể tách mỡ từ nhà ăn tại nhà máy dung tích 05 m^3;

+ 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 25 m^3/ngày.đêm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo hệ thống thu gom và xử lý nước thải được vận hành liên tục, đúng quy trình.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm dự án bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 25 m^3/ngày.đêm.

2.3. Vị trí lấy mẫu:

+ 01 điểm tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung, tọa độ X(m) = 2301095; Y(m) = 607536;

+ 01 điểm tại hố ga nước thải của dự án trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Deep C2B, chảy về hệ thống xử lý nước

thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ, tọa độ: X(m) = 2301105; Y(m) = 607536.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105° 45', múi chiếu 3°)

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Thông số giám sát	Tiêu chuẩn so sánh
pH, COD, BOD5, TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P, Dầu mỡ động thực vật, Coliform	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của khu công nghiệp Đình Vũ

2.3. Tần suất lấy mẫu: đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đấu nối, tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ/khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (Deep C2B) (khi khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (Deep C2B) xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở. Quan trắc định chất lượng nước thải theo cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (Deep C2B) về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ/khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (Deep C2B) (khi khu công nghiệp và dịch vụ Hàng hải (Deep C2B) xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng) để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5113/GPMT-BQL ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất băng dính bằng keo gốc nước.

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất decan màu các loại tại xưởng 2.

- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất băng dính bằng keo nhiệt.

- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất tem nhãn các loại,

- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất màng PE.

- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ 02 máy nghiền nhựa

- Nguồn số 07: Bụi phát sinh từ công đoạn tái chế màng PE tại xưởng 2.

- Nguồn số 08: Khí thải phát sinh từ hoạt động của nồi hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 1: Ống thoát khí thải của 01 hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp thụ bằng nước (dùng chung để xử lý khí thải tại khu vực sản xuất băng dính bằng keo gốc nước và quá trình sản xuất decan màu các loại tại xưởng 2).

- Dòng khí thải số 2: Ống thoát khí thải của 01 hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ bằng than hoạt tính (dùng chung để xử lý khí thải tại khu vực sản xuất băng dính bằng keo nhiệt, tem nhãn các loại, màng PE, khu vực nghiền nhựa và công đoạn tái chế màng PE tại xưởng 2).

- Dòng khí thải số 03: Ống thoát khí thải từ hoạt động của nồi hơi sử dụng dầu DO.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Tổng lưu lượng xả khí thải tối đa của nhà máy (phân kỳ I) là: 98.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 01: 45.000 m^3/giờ;

- Dòng khí thải số 02: 38.000 m^3/giờ;

- Dòng khí thải số 03: 15.000 m^3/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: liên tục 24/24

2.2.1. Phương thức xả khí thải: liên tục 24/24

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) (C_{max} = C x K_p x K_v = C x 0,9 x 0,6) và QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/ BTNMT (C_{max} =K_pxK_v, K_p=0,9, K_v=0,6)	QCVN 20:2009/ BTNMT	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
A	**Dòng khí thải số 01**					
1	Lưu lượng	m^3/h	-	-	6 tháng/lần (Theo quy định tại khoản 4, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động (Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Butyl acrylate	mg/Nm^3	-	-		
3	Axit acrylic	mg/Nm^3	-	-		
4	Amoniac (NH_3)	mg/Nm^3	**27**	-		
5	Formandehyde	mg/Nm^3	-	**20**		
B	**Dòng khí thải số 02**					
1	Lưu lượng	m^3/h	-	-	6 tháng/lần (Theo quy định tại khoản 4, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động (Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Bụi	mg/m^3	**108**	-		
3	Hydrocacbon	mg/Nm^3	-	-		
4	Etylen oxit	mg/Nm^3	-	**20**		
C	**Dòng khí thải số 03**					
1	Lưu lượng	m^3/h	-	-	6 tháng/lần (Theo quy	Không thuộc đối tượng
2	Bụi	mg/m^3	**108**	-		

4	SO_2	mg/Nm^3	**270**	-	4, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	hệ thống quan trắc khí thải tự động (Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
5	NO_x	mg/Nm^3	**459**	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất băng dính bằng keo gốc nước và quá trình sản xuất decan màu các loại tại xưởng 2 được thu gom vào đường ống nhánh, từ đường ống nhánh khí thải được hút vào đường ống thu gom chung, sau đó được nhập dòng với nhau vào đường ống thu gom khí chung của nhà xưởng dẫn về hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp thụ bằng nước. Khí thải sau đó thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí;

- Khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất băng dính bằng keo nhiệt, tem nhãn các loại, màng PE, khu vực nghiền nhựa và tái chế màng PE tại xưởng 2 được thu gom vào đường ống nhánh, từ đường ống nhánh khí thải được hút vào đường ống thu gom chung, sau đó được nhập dòng với nhau vào đường ống thu gom khí chung của nhà xưởng dẫn về hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ bằng than hoạt tính. Khí thải sau đó thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải từ nồi hơi được thu gom và thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống khói thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ của từng hệ thống xử lý:

+ Khí thải từ quá trình sản xuất băng dính bằng keo gốc nước và quá trình sản xuất decan màu các loại tại xưởng 2 → tháp hấp thụ bằng nước → quạt hút (công suất 45.000 m^3/giờ) → 01 ống thoát khí thải.

+ Khí thải từ quá trình sản xuất sản xuất băng dính bằng keo nhiệt, tem nhãn các loại, màng PE, khu vực nghiền nhựa và công đoạn tái chế màng PE → tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → quạt hút (công suất 38.000 m^3/giờ) → 01 ốngng thoát khí thải.

+ Khí thải từ hoạt động của nồi hơi → quạt hút (công suất 15.000 m^3/giờ) → 01 ống thoát khí thải.

- Công suất thiết kế:

+ 01 hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp thụ bằng nước, công

suất 45.000 m^3/giờ.

+ 01 hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ bằng than hoạt tính, cống suất 38.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: nước, than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị, máy móc.

- Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, quần áo, mũ bảo hộ, khẩu trang chống độc... cho người lao động làm việc tại khu vực phát sinh bụi, khí thải và nâng cao ý thức thực hiện an toàn lao động của người lao động trong công ty.

- Đảm bảo vận hành hệ thống đúng theo quy trình đã xây dựng.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp thụ bằng nước, công suất 45.000 m^3/h.

- 01 hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ bằng than hoạt tính, cống suất 38.000 m^3/h.

2.3. Vị trí lấy mẫu:

- 02 Hệ thống xử lý khí thải tại các khu vực sản xuất của Nhà máy;

- Tọa độ xả thải:

+ Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp thụ bằng nước. Toạ độ: X(m) = 2301092; Y(m) = 607577;

+ Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ bằng than hoạt tính. Toạ độ: X(m) = 2301088; Y(m) = 607581.

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN	QCVN

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (C_{max} =K_pxK_v, K_p=0,9, K_v=0,6)	QCVN 20:2009/BTNMT
A	**Dòng khí thải số 01**			
1	Lưu lượng	m^3/h	-	-
2	Butyl acrylate	mg/Nm^3	-	-
3	Axit acrylic	mg/Nm^3	-	-
4	Amoniac (NH_3)	mg/Nm^3	**27**	-
5	Formandehyde	mg/Nm^3	-	**20**
B	**Dòng khí thải số 02**			
1	Lưu lượng	m^3/h	-	-
2	Bụi	mg/m^3	**108**	-
3	Hydrocacbon	mg/Nm^3	-	-
4	Etylen oxit	mg/Nm^3	-	**20**

2.3. Tần suất lấy mẫu: Đảm bảo 03 mẫu đơn khí thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của các công trình xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại điểm 2.2.2, Mục I Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ theo đúng quy định.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. Chịu trách nhiệm về việc đảm bảo môi trường lao động theo quy định của Bộ Y tế.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 513/GPMT-BQL ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp thụ bằng nước (khí thải từ khu vực sản xuất băng dính bằng keo nước, decan màu các loại tại xưởng 2).

- Nguồn số 02: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ bằng than hoạt tính (khí thải từ khu vực sản xuất băng dính bằng keo nhiệt, tem nhãn các loại, màng PE, nghiền nhựa, tái chế màng PE tại xưởng 2).

- Nguồn số 03: Khu vực sản xuất băng dính tại vực tầng 3 xưởng 1.

- Nguồn số 04: Khu vực cổng chính của công ty.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp thụ bằng nước (khí thải từ khu vực sản xuất băng dính bằng keo nước, decan màu các loại tại xưởng 2). Toạ độ: X(m): 2301092; Y(m): 607577;

- Nguồn số 02: Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ bằng than hoạt tính (khí thải từ khu vực sản xuất băng dính bằng keo nhiệt, tem nhãn các loại, màng PE, nghiền nhựa, tái chế màng PE tại xưởng 2). Toạ độ: X(m): 2301088; Y(m): 607581;

- Nguồn số 03: Khu vực sản xuất băng dính tại vực tầng 3 xưởng 1. Toạ độ: X(m): 2301090; Y(m): 607629;

- Nguồn số 04: Khu vực cổng chính của công ty. Toạ độ: X(m): 2301072; Y(m): 607658.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông

				thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Kiểm tra thường xuyên độ cân bằng của máy móc, thiết bị (khi lắp đặt và định kỳ trong quá trình hoạt động); kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bảo dưỡng.

- Trang bị bảo hộ lao động chuyên dùng: quần áo bảo hộ, nút tai chống ồn cho người lao động làm việc ở các vị trí có mức ồn và độ rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường và yêu cầu khác:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Tuân thủ các tiêu chuẩn về tiếng ồn, độ rung tại nơi làm việc theo quy định hiện hành.

2.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1112/GPMT-BQL ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh tại Nhà máy (phân kỳ I):

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên tại nhà máy:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Sản phẩm hỏng nhiễm thành phần nguy hại (băng dính hỏng, bavia băng dính trong quá trình cắt)	Rắn	2.678.490	19 03 01
2	Túi lọc thải từ quá trình lọc sản phẩm sau khi tạo keo	Rắn	192	18 02 01
3	Cặn thải từ quá trình vệ sinh bồn tạo keo	Rắn	87.740	19 07 02
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	5.000	18 02 01
5	Bao bì cứng bằng nhựa thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	29.304	18 01 03
6	Bao bì cứng bằng kim loại thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	952	18 01 02
7	Bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	5.140,08	18 01 01
8	Nước vệ sinh sàn nhà lẫn keo	Lỏng	78.000	12 01 02
9	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	60	16 01 06
10	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	400	17 02 03
11	Pin/ắc quy chì thải	Rắn	60	19 06 05
12	Than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	17.021	12 01 04
Tổng			***2.902.359***	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường dự kiến phát sinh bao gồm (lõi giấy, thùng bìa carton, túi nilon,...): 382,7tấn/năm;

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt dự kiến phát sinh: 40,2tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu vực lưu chứa: bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại, diện tích 224 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ CTNH có tường bao, mái che, nền bê tông hóa chống thấm, công trình phòng chống sự cố rò rỉ CTNH dạng lỏng ra bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định, có phân loại từng mã CTNH, trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn (thùng chứa dung tích 50 lít - 100 lít), mã chất thải nguy hại, có thùng phuy chứa cát khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định. Kho tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan đến lưu chứa chất thải nguy hại. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: bố trí 01 kho chất thải rắn công nghiệp, diện tích 38 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường bao và mái che, nền bê tông hóa chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa dung tích 20 lít - 120 lít có nắp đậy tại khu vực nhà văn phòng, nhà ăn, khuôn viên nhà máy, xưởng sản xuất, kho chứa rác thải;

- Khu vực lưu chứa: bố trí 01 kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, diện tích 5 m^2. Kho đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Phân loại rác thải sinh hoạt theo Quyết định 06/2023/QĐ-UBND ngày 09/2/2023 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết từng loại chất thải. Thực hiện các quy định hiện hành khác về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

((Kèm theo Giấy phép môi trường số.[illegible]/GPMT-BQL ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm đối với chất thải được chuyển giao.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.